

SƯ TỔ ĐẠI NINH là VÔ NHẤT ĐẠI SƯ

Hòa-Thượng pháp-danh là THÍCH THIỀN-TÂM, pháp-hiệu LIÊN-DU, pháp-tự VÔ-NHẤT, quý-danh NGUYỄN NHỰT-THẮNG, xuất-gia vào năm ẤT-DẬU (1945) với đại-lão Hòa-Thượng THÍCH THÀNH-ĐẠO tại chùa Sắc-Tứ Linh-Thứu (Xoài-Hột, Mỹ-Tho), thuộc dòng Lâm-Tế chánh-tông đời thứ 43.

Hòa-Thượng sanh vào năm ẤT-SỬU (1925) tại xã Bình-Xuân, quận Hòa-Đồng, tỉnh Gò-Công (hiện nay là tỉnh Tiền-Giang). Thân-phụ là cụ ông Nguyễn Văn-Hương, thân-mẫu là cụ bà Giác-Ân Trần thị-Dung.

Ngài là người con trai thứ ba trong số bốn con trai của gia-đình.

“...Theo lời cụ bà Giác Ân, thân mẫu của Ngài kể lại, thì trong một đêm đó, bà đang ngủ mơ màng, chợt thấy ngoài sân có ánh sáng chói rực, trong khi bà còn đang ngạc nhiên ngó qua lại để tìm kiếm thì bỗng nghe có tiếng gọi rằng :

- Người nữ kia đến đây ta bảo.

Giọng nói rất oai nghiêm vang ra từ phía trên đầu làm cho bà giật mình ngược mắt nhìn lên thì thấy giữa không trung có một lão bà đang từ từ giáng hạ xuống đất. Cụ bà nghĩ đây chắc là tiên, hay Phật gì giáng hạ nên lật đật quỳ xuống lạy dài. Bà lão khen tốt, bảo đứng dậy đoạn kêu bà tới gần và trao cho một hài nhi khoảng chừng 3, 4 tháng mà nói rằng:

- Người hãy nhận lấy và nuôi dưỡng đứa bé này cho ta.

Cụ bà ngần ngại không muốn lãnh vì cụ đã trải qua nhiều lần sanh nở, dưỡng nuôi, sự đau đớn và cực khổ đã làm cho bà ngán ngấm nên chần chờ, do dự sự quyết định. Bà lão trợn mắt, ra oai mà bảo:

- Đây là La Hầu La quý tử (Đây không phải thiệt là La-Hầu-La con của Phật đâu, mà ý nói là 1 người con quý, sau này có thể tu thành đạo như La-Hầu-La con của đức Thích-Tôn khi xưa vậy) **chẳng phải người thường, bởi ta thấy người là một người hiền đức nên mới trao cho, sao dám từ chối. Hãy nhận lấy mà nuôi dưỡng, sau này sẽ được nhờ nó độ thoát cho về với Phật.**

Phần thấy bà lão trợn mắt, ra oai, lớn giọng, phần nghe nói quý tử nên cụ bà cũng ham, đưa tay bỗng lấy đứa bé, thấy nó trắng trẻo, dễ thương nên bà cũng vừa ý đẹp lòng. Vừa bỗng hài nhi vào tay xong thì bà lão thẳng bỗng lên cao đi mất, ánh sáng kia cũng theo bà lão mà tắt đi luôn.

Cụ bà giật mình thức dậy thì ra chỉ là một giấc chiêm bao, trong lòng lấy làm lạ lắm, sáng ra cụ mới kể lại cho chồng nghe giấc mộng hồi khuya. Cụ Ông bảo:

- Chắc có lẽ trời Phật sẽ cho mình sanh con “quý tử” không chừng.

Kể từ đó bà mang thai và điều đặc biệt là kể từ khi cấn thai đứa con này, cụ bà không chịu được mùi thịt cá, nên ăn chay trường. Ở miền quê thì việc chay lạt rất là đạm bạc chứ không cầu kỳ như ở thành phố nên thức ăn chỉ có toàn là rau luộc, tương chao thô, ấy vậy mà bà vẫn khỏe mạnh, khác hẳn với mấy lúc trước kia đau ốm rề rề.

Trong xã Bình Xuân có một ngôi chùa làng xưa nho nhỏ, không sư trụ trì, chỉ có một ông từ già giữ chùa thắp nhang, tụng kinh, ông có gia đình bên ngoài nên chùa ít khi mở cửa, chỉ trừ vào các ngày 14, rằm, 30, mồng một mới đến chùa tụng niệm mà thôi. Vì thế nên

chùa thường bị lâm vào cảnh nhang tàn, khói lạnh. Cụ bà thấy vậy nên mỗi ngày dành ít thời giờ đến chùa quét dọn, đốt nhang, động chuông. Việc này từ trước đến nay cụ chưa bao giờ biết hay phát tâm làm cả, thế mà kể từ khi có mang đứa con này, đối với các việc chùa chiền, công quả cụ bà lại hăng hái và siêng năng hơn bao giờ hết. Ấu cũng là do thiện căn, phúc đức của đứa con mà bà đang mang trong người chiêu cảm ra vậy.

Cụ ông là một bậc thâm Nho, có đọc nhiều sách vở xưa (viết bằng chữ Hán) vì thế nên cụ biết rằng đứa con tương lai của mình chắc sẽ có một cái gì đó đặc biệt hơn các anh chị của nó, cho nên việc mà cụ bà phát tâm làm công quả, đi chùa, lạy Phật, chẳng những cụ ông không ngăn cản chút nào, trái lại cụ còn khuyến khích thêm nữa.

Ngày cụ bà khai hoa, lúc đó vào khoảng rạng đông, bỗng dưng có một cơn mưa nhỏ, hài nhi chào đời nhẹ nhàng chớ không có làm cho cụ đau đớn nhiều như những người con trước. Cụ ông chiếu theo ngày giờ và vài ba triệu chứng khi sanh ấu nhi ra, tra cứu trong sách toán mệnh học chữ nho xong rồi bảo cụ bà rằng:

- Đứa con này nguyên nó là căn tiên, cốt Phật đầu thai, chớ không phải là con thường như mấy đứa trước đâu. Có điều nó tuổi Ất Sửu mà sanh ra vào buổi rạng đông tức là nhằm lúc con trâu sắp sửa ra đồng cày ruộng, nên lỗi giờ sanh e sau này nó sẽ tha hương khổ cực, nhưng bù lại khi mới sanh có một đám mưa nhỏ, sách nói về sau, khi lớn lên nó không bị nhiễm vào trong đường tình ái, vợ chồng, và nếu như đi tu ắt sẽ được đắc thành chánh quả.

Ví có các sự việc như vậy nên cả hai cụ đều đặc biệt để ý và rất yêu quý đứa con này..." (Trích trong quyển: Vô Nhất Đại Sư Thích Thiền Tâm - Một Cao Tăng Cận Đại - tác giả Btg Bảo Đăng).

Cố Hòa Thượng từ khi bắt đầu cắp sách đến trường là đã được dạy chữ Nho một cách cẩn thận và đúng pháp từ nơi thân phụ (cũng như ở học đường), Ngài rất mực thông minh, lại thêm chăm chỉ và hiếu học, cho nên căn bản chữ Hán của ngài rất vững chắc và mau chóng tiến bộ vượt bậc. Ngài học một mà biết hai, ba và hầu như luôn luôn được điểm hạng ƯU tối cao trong suốt thời gian dài mài kinh sử. Đến năm lên 9 tuổi, trình độ chữ HÁN của ngài có thể đọc lưu loát được các sách HÁN học và viết chữ NHO một cách thành thục, thông thạo. Ngài đọc nhiều sách truyện tàu xưa, tích cũ vv...Song song với việc học chữ NHO, Ngài còn học thêm chữ TÂY và QUỐC ngữ...tuy tuổi còn nhỏ mà đã sớm ngộ được nhiều điều đạo lý của Khổng giáo rồi, kiến văn về đạo học của Ngài rất uyên bác, bao gồm luôn cả NHO, THÍCH, ĐẠO (tức là Nho giáo, Phật giáo và Lão giáo (tiên)).

Ngài chính là người mà ngay từ trong lứa tuổi ấu thơ đã sớm ngộ cảnh thế vô thường, duyên đời hư giả, nên chẳng những đã không bao giờ xây đắp cho mình giấc mộng Hoàng Lương như bao chàng thanh niên khác, mà trái lại, đã sớm xả bỏ tục trần, cắt ái từ thân, chân chánh tu hành, giữ tròn đạo hạnh. Nêu tấm gương sáng chói cho các hàng tứ chúng trong hiện tại và lẫn cả về sau quy ngưỡng.

Suốt 48 năm trong đường tu và hơn 30 năm hóa đạo, qua cương vị của một Tôn sư, trước sau các hàng đệ tử xuất gia, tại gia cầu pháp, y chỉ, học chúng, thế độ..vv...của ngài lên đến số hàng ngàn, hàng vạn khắp mọi nơi trong nước, có người đã và đang đảm nhận những chức vụ quan yếu trong giáo hội, lãnh đạo các hội đoàn Phật Giáo, tọa chủ các chốn già lam, nắm giữ các cơ sở Phật giáo.

vv...trong cũng như ngoài nước và khắp cả năm châu.

THỜI GIAN HỌC ĐẠO

1945 : Xuất gia tại SẮC-TỬ LINH-THỨU TỰ

1948 : Thọ sa di giới

1950 : Thọ “Cụ-túc đại giới” tại giới-đàn Ấn-Quang (Sàigòn)

1951 : Hoàn tất chương trình Trung-đẳng Phật học tại Phật học đường Liên-Hải và Ấn-Quang

1954 : Hoàn tất chương trình Cao-Đẳng Phật-học tại Phật học đường Nam-Việt với hạng “tối-ưu”

1955 – 1964 : Nhập thất tịnh-tu qua các trụ-xứ tại Cái-Bè, Vang-Quới (Mỹ-Tho) và (Bến-Tre)

1965 : Tuân lệnh triệu-hồi của giáo-hội, Ngài trở về Sàigòn đảm nhận việc thành lập và giữ chức-vụ Giám-đốc viện “Cao-đẳng chuyên-biệt Phật-học” tại An-Dưỡng Địa, Phú-Lâm (tức là chùa Huệ-Nghiêm hiện nay).

- Phụ trách phân khoa Phật học tại Viện Đại-học Vạn-hạnh. (Giáo-sư dạy về Duy-thức học).
- Giáo thọ sư tại các ni trường Dược-sư, Từ-Nghiêm.

1967 : Hòa-Thượng về Đại-Ninh kiến lập Hương-Quang tịnh-thất, chuẩn bị ẩn-tu

1968 : Chánh thức hoàn trả chức vụ lại cho Viện Hóa-Đạo, về hẩn tại Ấp Phú-An, Xã Phú-Hội huyện Đức-Trọng, Tỉnh Lâm-Đồng, bế quan tịnh tu.

1970 – 1974 : Qua sự tha-thiết thỉnh cầu của tứ chúng, Ngài tạm thời ra thất, kiến-lập Hương-Nghiêm Tịnh-Viện (cho chư tăng) và Phương-Liên Tịnh-Xứ (cho chư ni). Mở khóa tu-học “**Tịnh Độ chuyên-biệt**” tại 2 đạo-tràng này trong 3 năm liên-tiếp.

1975 – 1992 : Hòa-Thượng hoàn-toàn viễn-ly với bên ngoài, bế-quan tịnh tu nhập thất “vô thời-hạn.” Mặc dù rông rạc chuyên tu, nhưng với bi tâm độ sanh của Ngài nghĩ thương đến các hàng hậu tấn về sau trên đường tu học khó khăn trong thời buổi ma nạn nhiều nhưong này, tu hành rất khó được vắng sanh cho lắm. Nên Ngài vẫn cố gắng dành dụm thời giờ rỗi rảnh để phiên dịch và soạn thuật thêm ít nhiều kinh sách dạy về MẬT CHÚ, một pháp môn mà Ngài hoằng hóa song hành cùng với môn TỊNH ĐỘ, dành cho các Phật tử có căn duyên MẬT TÔNG tu học. Ngài còn soạn riêng phần **THẬP NHỊ DANH NHƯ LAI SÁM HỐI DIỆT TỘI** gởi qua “chùa PHÁP HOA” cho người cháu ruột là Cố HT. Thích Hải Quang Viện Chủ PHÁP HOA PHẬT TỰ, cũng là pháp duệ của Ngài nơi hải ngoại.

Sư Tổ thấy có một ít vị tu THIỀN bài bác pháp môn TỊNH ĐỘ qua nhiều điểm....Ngài e rằng các Phật tử tu Tịnh độ sơ cơ bối rối, hoang mang rồi lâm vào trong cảnh phân biệt đây, kia, cao, thấp mà uổng phí đi thời giờ và công lao tu niệm, nên Ngài có bài thơ khai thị như sau:

*Chốn cũ chân như lắm nẻo về,
Đường tuy khác lối vẫn đồng quê.
Trong THIỀN có TỊNH trời lư lãnh,
Nơi TỊNH gồm THIỀN nước Động Khê.
Tiến bước nguồn tâm ngời tuyết sáng,*

*Quay nhìn bể tục ngát hương thê.
Bao giờ học kẻ cười hoa được,
Đem ý sen lành rải bên mê.*

Vô Nhất Thiên Tâm

Từ năm 1970, về sau, vì nhận thấy các người tu hành đời nay, phần đông đều bị MA NẠN khuấy phá, vấp lại vì đã trải qua nhiều kinh nghiệm bản thân sau hơn mấy mươi năm dài tu tập, nên Sư Tổ Đại Ninh mới khuyến khích và dẫn dắt các Phật tử trì niệm thêm phần TRÌ CHÚ để trợ lực cho được vững vàng hơn trên bước đường tu tập, không bị khảo đảo, mà lạc vào ma đạo.

Kể từ đó, Ngài riêng lập ra một phương cách tu gọi là : MẬT TỊNH SONG TU – tông chỉ của pháp môn này là vừa NIỆM PHẬT vừa kiêm thêm TRÌ CHÚ (Tịnh độ của Phật giáo), mà trong đó lấy NIỆM PHẬT làm chánh, TRÌ CHÚ làm phụ.

Khoảng năm 1983, Ngài soạn ra thêm một pháp nghi về MẬT TÔNG để cho các đệ tử trong dòng tu MẬT TỊNH hành trì tên là :

CHUẨN ĐỀ ĐẠI BI – PHÁP NGHI HỢP THỨC (phối hợp giữa hai đại thần chú CHUẨN ĐỀ và ĐẠI BI)

Kế tiếp sau đó Ngài soạn dịch lại bộ Kinh :

“ĐẠI THÔNG PHƯƠNG QUẢNG, SÁM HỐI DIỆT TỘI, TRANG NGHIÊM THÀNH PHẬT”.

Sau cùng vì thương các Phật tử phần đông bị phiền não và ma nạn khuấy phá trong bước đường tu, nên một lần chót Ngài soạn ra một pháp tu **MẬT TỊNH PHỔ THÔNG**, thích hợp với mọi trình độ của Phật tử tên là : **TÂY PHƯƠNG NHẬT KHÓA**.

Từ đây Ngài bế quan, tạ tuyệt mọi duyên đời và chuyên tâm trì niệm. Cơm rau đỡ dạ đói, khắc khổ qua ngày. Ngài tự giam mình trong căn thất nhỏ chưa đầy 16 thước vuông. Ngài đã từ tạ hết mọi sự thăm viếng, lìa được lợi danh, nơi miền tục lụy, quyết chí tu hành để đạt được đạo màu giải thoát.

“Phai khách viếng thăm, phai tục lụy,

Đậm câu trì niệm, đậm liên hương”

Ý thơ tuyệt diệu, phi thường, quả nhiên là phong cách của một bậc cao tăng thoát tục không sai vậy.

Cứ mỗi lần Ngài Trì Chú, Niệm Phật thì từ nơi răng của Ngài tiết ra một chất nước Cam-Lộ có mùi vị ngọt thanh, trưởng dưỡng đạo căn ngày thêm thành thực. Cho nên mặc dù thân tứ đại của Ngài phải theo lẽ sanh diệt vô thường mà biến đổi. Nhưng bù lại công đức tu hành của Ngài càng thêm tăng tiến, tinh thần càng thêm minh mẫn, trí huệ càng thêm phát sáng.

“ẨN TU niệm Phật suốt thâm canh,

Cam lộ từ răng đượm ngọt thanh.

Khát nước đã nhờ công đức thủy,

Lam Kiều chi nhọc hỏi Vân Anh !

(Ẩn tu ngẫu vịnh)

Do vì vậy mà tất cả 32 chiếc răng của Ngài đều đã biến thành ra **“Ngũ sắc kim cương Nha xá lợi”**. Một xá lợi hy hữu, kỳ lạ vì **“cưa”** hoài không đứt, thay đủ loại lưỡi cưa vẫn bị trượt ra ngoài, lửa nháng lên văng ra như đang cưa sắt vậy, mà cái răng cũng vẫn y nhiên không trầy trụa chút nào. Đập cũng không bể, làm cách gì cũng vẫn trơ ra, cứng còn hơn kim cương.

Khi Bảo Đăng về Việt Nam 1993, may mắn gặp được anh HÒA (con trai của đạo hữu Chánh Kiến), và được anh Hòa cho cầm xem chiếc răng xá lợi và được Anh kể lại nhiều chuyện huyền bí, linh thiêng khác nữa về chiếc răng xá lợi của cố Đại Sư.

Đi theo Bảo Đăng có người em trai ở VN mắc bệnh phổi luôn ốm gầy. Từ khi cầm được chiếc răng xá lợi của Sư Tổ Đại Ninh về nhà cảm thấy khỏe ra, không còn mệt mỏi như trước nữa. Từ đó người em trai đó không còn đau yếu, không còn bệnh phổi nữa, thân thể mập hăn lên không còn bệnh ốm gầy nữa. Nhất là cuộc sống nghèo cực khổ cũng bớt dần, và luôn gặp nhiều may mắn, vui vẻ cho tới nay.

Ngày 20 tháng 11 năm Nhâm Thân, Ngài gọi Ni sư trưởng tử vào và dặn bảo thêm các lời di chúc tối hậu...trong di cảo của Ngài để lại, có ghi bài thơ cuối cùng như sau :

SÁU TÁM năm qua việc đáng kinh,
 Thăng trầm vui dập, lắm tai tình.
 Chẳng qua một giấc mơ dài ấy,
 Mà kiếp phù sinh tạm múa hình.
 Hai bốn năm ròng chuyên nhứt niệm,
 DJ-ĐÀ sáu chữ phóng quang minh.
 Hôm qua tin tức trời TÂY báo,
GIỜ MỆO MAI ĐẦY TẠ THỂ TÌNH !

Ngài dự biết trước ngày giờ vãng-sanh hơn 6 tháng.....

... Đến 4 giờ sáng ngày 21/11 ÂL năm nhâm-thân (1992), Hòa-Thượng cho gọi thị-giả và cũng là trưởng-tử của Ngài là ni-sư Thích-nữ THANH-NGUYỆT, triệu-tập các môn-đồ, pháp-quyển vào trong tịnh-thất hộ-niệm.

Đúng 6 giờ 15 phút sáng, Ngài an-nhiên thị tịch ngay trên bản-tọa.

Đại-sư hưởng thọ tuổi đời 68, tăng-lạp 48.

ĐẠO NGHIỆP

- Phiên dịch :
- Phật Đảnh Tôn Thắng Đà ra ni Kinh,
 - Đại bi tâm Đà ra ni Kinh
 - Quán vô lượng thọ Kinh
 - Đại nhứt Kinh (3 quyển Hạ, trung, thượng)

- *Hương quê Cực lạc*
- *Tịnh độ thập nghi luận*
- *Thiện ác nhân quả báo ứng Kinh*
- *Nhân quả luân hồi tạp lục ký*
- *Tam bảo cảm ứng yếu lược lục*
- *Lá thơ Tịnh độ*
- *Niệm Phật Ba La Mật Kinh*
- *Chú giải 108 bài NIỆM PHẬT kệ của Triệt Ngộ đại sư.*
- *Liên Tông Thập Tam Tổ (13 vị Tổ của Tịnh tông)*

- Soạn Thuật :***
- *Duy thức học cương yếu*
 - *Phật học tinh yếu (1,2,3)*
 - *Tịnh học tân lương (1,2,3)*
 - *Niệm Phật thập yếu*
 - *Mấy điều sen thanh (1,2,3,4,5,6,7)*
 - *Tây phương nhật khóa*
 - *Tịnh độ pháp nghi*

- Trước tác :***
- *Thiền Tâm thi tập (gồm hơn ngàn bài thơ đạo đủ các thể loại)*
 - *Ẩn tu ngẫu vịnh, bá bát thi (108 bài “Vịnh Ẩn tu”)*

Ngài là một bậc cao-tăng đắc-đạo và được vãng-sanh về cõi Cực-lạc “**Kim Đài Thượng phẩm**” duy-nhất trong thời buổi cận-đại này. Ngài là một bậc thạc sư về Phật học, là một vị đại tăng chói rực phần danh đức trong vòm trời Phật giáo Việt Nam và là một đại tôn sư hoằng dương cả hai pháp môn TỊNH ĐỘ cùng MẬT TÔNG lừng lẫy nhất của Giáo Hội từ trước đến giờ.

Sự hoàn nguyên của Ngài là một mất mát cực kỳ lớn lao cho Giáo Hội và để lại vô vàn nhớ nhung, thương tiếc cho toàn thể Tăng Ni, Tín đồ Phật Giáo Việt nam khắp nơi trên thế giới.

Ba ngày sau, trong lễ khai mộ của Ngài, tất cả mọi người hiện diện đều trông thấy có một đôi KIM XÀ màu vàng rực rỡ dài khoảng hai thước tây, bò đến trước đầu mộ của Đại Sư, nằm im một chốc, đoạn cất đầu ngó lên gật đầu ba lượt rồi bò đi vào trong đám cỏ tranh gần đó biến mất.

*Kính mừng bi đức thanh cao,
Bụi hồng xoáy tịnh biết bao cam lồ.
Sen vàng nở chốn quỳnh đồ,*

Bảo tòa hiệp chương ; - NAM MÔ PHẬT ĐÀ.

*Chúc câu: **VĨNH THOÁT TA BÀ...***

Đồ tôn Btg. Bảo Đăng

(Đề tặng)

Toàn thể Phật Giáo môn đồ, pháp quyến khắp nơi trên toàn quốc, ngoài quốc ngoại, các Tự viện Việt Nam khắp nơi trên năm châu. Trước tin tức đau buồn này, tất cả các môn đồ, đồ tôn pháp quyến thống thuộc Pháp duệ (dòng pháp) của Đại sư tại “PHÁP HOA tự-MẬT TỊNH ĐẠO TRÀNG LIÊN HOA THẮNG HỘI” Tucson, Arizona, vô cùng đau đớn thành kính đánh lễ chịu tang trước di ảnh của SƯ TỔ. Đồ tôn chúng con xin cúi đầu khẩn nguyện:

- VÔ NHẤT ĐẠI SƯ - HÒA THƯỢNG GIÁC LINH, HẰNG TRỤ TÂY PHƯƠNG, BẤT LY UẾ ĐỘ, SẮC KHÔNG LIỄU NGỘ, HÓA ĐỘ QUẦN SANH, NHỨT NIỆM LIỄU THÔNG, CHỨNG MINH HIẾN CÚNG.

- Nam mô Viện chủ HƯƠNG NGHIÊM Tịnh viện, Pháp chủ PHƯƠNG LIÊN Tịnh Xứ, Mật Tịnh Đạo Tràng tại Đại Ninh, Ấp Phú An, Xã Phú Hội, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng VN.

Đã an lành thị tịch vắng sanh vào lúc 6g15 sáng, ngày 21 tháng 11 ÂL, năm Nhâm Thân (1992) Hưởng thọ 68 tuổi đời, 48 tuổi đạo. Nam Mô Đường Thượng, Thượng THIỀN hạ TÂM Hòa Thượng Giác Linh. (Đồ tôn Ni trưởng Btg. Bảo Đăng (Đồng khóc báo).

